**Tùy chọn cơ bản**

| **Tùy chọn** | **Ý nghĩa** | **Mô tả** |
| --- | --- | --- |
| -u | Tên người dùng (người dùng) | Tên người dùng để kết nối với máy chủ |
| -p | Mật khẩu | Đăng nhập bằng cách chỉ định mật khẩu |
| -h | Tên máy chủ (máy chủ) | Nếu bạn không chỉ định tên máy chủ (ex.localhost, 127.0.0.1) của máy chủ để kết nối, nó sẽ là localhost |
| -B | Cơ sở dữ liệu (cơ sở dữ liệu) | Kết xuất nhiều cơ sở dữ liệu theo tên |
| -A | Tất cả các cơ sở dữ liệu (tất cả) | Kết hợp nhiều cơ sở dữ liệu với nhau |
| -d | Chỉ định nghĩa (không có dữ liệu) | Chỉ định khi bạn muốn kết xuất chỉ định nghĩa |
| -n | Bỏ qua cơ sở dữ liệu (không tạo-db) | Kết xuất mà không tạo cơ sở dữ liệu |
| -t | Bỏ qua các bảng (không tạo-thông tin) | Kết xuất mà không tạo bảng |

[\* Các tùy chọn thường được sử dụng khác](https://qiita.com/PlanetMeron/items/3a41e14607a65bc9b60c#%E3%81%9D%E3%81%AE%E4%BB%96%E3%82%88%E3%81%8F%E4%BD%BF%E3%81%86%E3%82%AA%E3%83%97%E3%82%B7%E3%83%A7%E3%83%B3)

**Ví dụ sử dụng**

Sử dụng các giá trị tùy chọn sau theo môi trường của bạn

**Định nghĩa và dữ liệu kết xuất**

# Cơ sở dữ liệu

$ mysqldump -u USER\_NAME -p -h HOST\_NAME DB\_NAME> OUTPUT\_FILE\_NAME

#Table

$ mysqldump -u USER\_NAME -p -h HOST\_NAME DB\_NAME TABLE\_NAME> OUTPUT\_FILE\_NAME

#Dump định nghĩa và dữ liệu bảng

$ mysqldump -u USER\_NAME -p -h HOST\_NAME -A -n> OUTPUT\_FILE\_NAME

**Kết xuất nhiều bảng cơ sở dữ liệu (định nghĩa và dữ liệu)**

# Cơ sở dữ liệu

$ mysqldump -u USER\_NAME -p -h HOST\_NAME -B DB\_NAME1 [DB\_NAME2 ...]> OUTPUT\_FILE\_NAME

#Table

$ mysqldump -u USER\_NAME -p -h HOST\_NAME TABLE\_NAME1 [TABLE\_NAME2 ...]> OUTPUT\_FILE\_NAME

**Kết xuất tất cả các bảng cơ sở dữ liệu (định nghĩa và dữ liệu)**

# Cơ sở dữ liệu

$ mysqldump -u USER\_NAME -p -h HOST\_NAME -A> OUTPUT\_FILE\_NAME

# Bảng (chọn một cơ sở dữ liệu và kết xuất)

# mysqldump -u USER\_NAME -p -h HOST\_NAME DB\_NAME> OUTPUT\_FILE\_NAME

**Chỉ định nghĩa kết xuất**

#Dump cơ sở dữ liệu và định nghĩa bảng

$ mysqldump -u USER\_NAME -p -h HOST\_NAME DB\_NAME -d> OUTPUT\_FILE\_NAME

Chỉ định nghĩa cơ sở dữ liệu #Dump

$ mysqldump -u USER\_NAME -p -h HOST\_NAME DB\_NAME -d -t> OUTPUT\_FILE\_NAME

#Dump chỉ định nghĩa bảng

$ mysqldump -u USER\_NAME -p -h HOST\_NAME DB\_NAME -d -n> OUTPUT\_FILE\_NAME

**Kết xuất tất cả các định nghĩa bảng cơ sở dữ liệu**

# Cơ sở dữ liệu và bảng

$ mysqldump -u USER\_NAME -p -h HOST\_NAME -A -d> OUTPUT\_FILE\_NAME

# Cơ sở dữ liệu

$ mysqldump -u USER\_NAME -p -h HOST\_NAME -A -d -t> OUTPUT\_FILE\_NAME

#Table

$ mysqldump -u USER\_NAME -p -h HOST\_NAME -A -d -n> OUTPUT\_FILE\_NAME

**Kết xuất chỉ dữ liệu**

#Data trong cơ sở dữ liệu

$ mysqldump -u USER\_NAME -p -h HOST\_NAME -t DB\_NAME> OUTPUT\_FILE\_NAME

Dữ liệu #Table

$ mysqldump -u USER\_NAME -p -h HOST\_NAME -t DB\_NAME TABLE\_NAME> OUTPUT\_FILE\_NAME

# Tất cả dữ liệu

$ mysqldump -u USER\_NAME -p -h HOST\_NAME -A -t> OUTPUT\_FILE\_NAME

**Thực hiện tập tin đầu ra**

Để phản ánh đầu ra OUTPUT\_FILE\_NAME cho MySQL, hãy thực hiện lệnh sau

# Thực hiện tệp tập lệnh đầu ra

$ mysql -u USER\_NAME -p -h HOST\_NAME DB\_NAME <OUTPUT\_FILE\_NAME

**Các tùy chọn thường được sử dụng khác**

Nếu bạn có một lượng lớn dữ liệu được lưu trữ hoặc muốn kết xuất một DB đang được phát triển bởi nhiều người, bạn cần giảm mức tiêu thụ bộ nhớ và tránh khóa DB.   
Vui lòng chọn và sử dụng các tùy chọn cần thiết khi cần thiết.

\* Inno DB được coi là công cụ MySQL

| **Tùy chọn** | **Mô tả** |
| --- | --- |
| --single-transaction | Phát hành một tuyên bố BEGIN trước khi bán phá giá. Vì một ảnh chụp nhanh được thực hiện trong nội bộ và kết xuất, có thể lấy một kết xuất nhất quán mà không khóa DB |
| --quick | Bỏ một hàng tại một thời điểm, mà không đệm tất cả các bản ghi trong bảng vào bộ nhớ. Khi đổ một bảng có lượng dữ liệu lớn, kết xuất có thể được thực hiện mà không hết bộ nhớ. |
| --opt | --add-drop-table --add-lock --create-Tùy chọn --disable-Keys --extends-insert --lock-frames --quick Shorthand cho --set-charset. |
| --add-drop-table | Bao gồm BẢNG DROP trước khi TẠO BẢNG |
| --add-locks | Bao gồm câu lệnh LOCK\_TABLE và UNLOCK\_TABLE trước và sau INSERT của mỗi bảng để cải thiện tốc độ INSERT |
| --create-options | Bao gồm các tùy chọn bảng cụ thể của MySQL trong CREATE TABLE |
| --disable-keys | Không lập chỉ mục cho mỗi bảng cho đến khi tất cả các bản ghi đã được nhập |
| --extended-insert | Sử dụng nhiều cú pháp GIÁ TRỊ trong một câu lệnh INSERT. Điều này làm giảm kích thước của đầu ra tệp trong kết xuất và giảm thời gian nhập |
| --lock-tables | Khóa bàn trước khi đổ |
| --set-charset | Thêm SET Nnam default\_character\_set vào đầu ra |
| -lock-all-tables | Khóa tất cả các bảng trong cơ sở dữ liệu |
| --master-data | Bao gồm tên và vị trí của tệp nhật ký nhị phân trong đầu ra. Nếu --single-giao dịch không được chỉ định, --lock-all-bảng được bật. |
| --ignore-table= [Tên DB]. [Tên bảng] | Không đổ bảng được chỉ định |